

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON TỰ THỰC THIÊN ĐỨC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON TƯ THỰC THIÊN ĐỨC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trần Thị Thu Hà	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Trần Thị Tuyết	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Ngô Nữ Kim Hoa	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên Hội đồng	
4	Trần Thị Bình	Chủ tịch Công đoàn Tổ trưởng văn phòng Nhân viên y tế	Thư ký Hội đồng	
5	Đỗ Quyên	Tổ trưởng tổ mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Thị Út Chi	Tổ trưởng tổ mẫu giáo 4 - 5 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
7	Bùi Thị Hằng	Tổ trưởng tổ mẫu giáo 3 - 4 tuổi và nhóm 25 - 36 tháng	Ủy viên Hội đồng	
8	Phạm Đức Thiện	Thủ quỹ	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	13
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	15
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	16
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	18
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo.	20
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	21
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	24
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	25
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	27
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	28
Kết luận về tiêu chuẩn 1	30
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	31
Mở đầu	31
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.	31
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	33
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	36

Kết luận về tiêu chuẩn 2	37
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn.	38
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.	40
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính – quản trị.	42
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn.	44
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.	46
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	48
Kết luận về tiêu chuẩn 3	50
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	51
Mở đầu	51
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ.	51
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	53
Kết luận về tiêu chuẩn 4	55
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	56
Mở đầu	56
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.	56
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	59
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.	61
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục.	64
Kết luận về tiêu chuẩn 5	66
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	66
Phần IV. PHỤ LỤC	68

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X		
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X		
Tiêu chí 2.2		X		
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X		
Tiêu chí 3.3		X		
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X		
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	

Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X		

Kết quả: đạt Mức 1.

2. Kết luận: trường đạt Mức 1.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non tư thực Thiên Đức

Tên trước đây (nếu có): không có

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Trần Thị Thu Hà
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Hóc Môn	Điện thoại	028.37129176
Xã / phường/thị trấn	Xuân Thới Thượng	Fax	Không
Đạt CQG	Không	Website	Không
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2005	Số điểm trường	02
Công lập	Không	Loại hình khác	Không
Tư thực	X	Thuộc vùng khó khăn	Không
Dân lập	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Số nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Số nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Số nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	02	02	02	01	02
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	04	04	04	03	03
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	05	05	05	03	03
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	05	05	05	04	04
Cộng	16	16	16	11	12

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	16	16	16	11	12	
1	Phòng kiên cố	16	16	16	11	12	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	

3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng phục vụ học tập	02	03	03	03	03	
1	Phòng kiên cố	02	03	03	03	03	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Khối phòng hành chính quản trị	07	07	07	07	07	
1	Phòng kiên cố	07	07	07	07	07	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	02	02	02	02	02	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)						
	Cộng	27	28	28	23	23	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 5 năm 2023

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó Hiệu trưởng	02	02	0	0	0	02	
Giáo viên	25	25	0	0	17	08	
Nhân viên	11	09	0	11	01	0	
Cộng	39	37	0	11	18	11	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Tổng số giáo viên	32	32	32	23	25
Tỷ lệ trẻ/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	83/4=21	44/4=11	51/4=13	33/3=11	57/5=11
Tỷ lệ trẻ/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	00	00	00	00	00
Tỷ lệ trẻ/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)	577/28= 20	536/28= 19	424/28= 15	390/20= 19	403/20= 20
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương trở lên (nếu có)	00	00	00	00	00

Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	00	00	00
--	----	----	----	----	----

4. Trẻ em:

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
1	Tổng số	660	580	475	423	460	
	- Nữ	317	297	231	208	228	
	- Dân tộc thiểu số	5	3	0	0	0	
2	Đối tượng chính sách	00	00	00	00	00	
3	Khuyết tật	00	00	00	00	00	
4	Tuyển mới	190	121	113	125	180	
5	Học 2 buổi/ngày	660	580	475	423	460	
6	Bán trú	660	580	475	423	460	
7	Tỷ lệ trẻ em/lớp	577/14 = 41/lớp	536/14 = 38/lớp	424/14 = 30/lớp	390/10 = 39/lớp	403/10 = 40/lớp	
8	Tỷ lệ trẻ em/ nhóm	83/2= 41.5/nhóm	44/2= 22/nhóm	51/2= 25.5/nhóm	33/1= 33/nhóm	57/2= 30/nhóm	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	00	00	00	00	00	

- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	83	44	51	33	57	
- Trẻ em từ 3-4 tuổi	163	123	85	123	117	
- Trẻ em từ 4-5 tuổi	197	189	144	131	135	
- Trẻ em từ 5-6 tuổi	217	224	195	136	151	

PHẦN II.

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của trường

Trường Mầm non tư thục Thiên Đức được thành lập theo quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 30/8/2005 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. Trường gồm 01 điểm chính tọa lạc tại số 02 đường Trần Văn Mười, ấp 7, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 điểm phụ tọa lạc tại số 11, 11A Trần Văn Mười, ấp 7, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn. Ban đầu trường được xây dựng dạng cấp 4 gồm 04 phòng học, 01 nhà bếp, 01 phòng hành chính.

Trường Mầm non tư thục Thiên Đức có diện tích đất là 1.232.9 m². Từ tháng 05 năm 2017 trường được sửa chữa và đến tháng 11 năm 2017 đưa vào hoạt động với kết cấu xây dựng 1 trệt, 2 lầu gồm 17 phòng học, 02 phòng chức năng và 01 số phòng ban. Tổng kinh phí sửa chữa là 5 tỷ đồng.

Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm. Giáo viên yêu nghề, mến trẻ, luôn học hỏi tìm tòi và vận dụng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của trẻ. Năm học 2022-2023, trường có 23/23 giáo viên (trong đó trình độ: Trung học sư phạm mầm non là 13/23, tỉ lệ: 56.6 %; Cao đẳng sư phạm mầm non là 02/23, tỉ lệ: 8,7 %; Đại học sư phạm mầm non là 08/23, tỉ lệ 34.7 %) được phân công trực tiếp làm công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Tổng số học sinh của trường là 329 trẻ chia thành 11 nhóm lớp từ 25-36 tháng đến 5-6 tuổi.

Trong quá trình hoạt động, nhà trường luôn tạo được niềm tin yêu của phụ huynh, ban đại diện Cha mẹ học sinh tích cực hỗ trợ nhà trường trong việc nuôi dạy trẻ góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Mục đích tự đánh giá

Qua việc tự đánh giá giúp nhà trường từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Thông qua kết quả tự đánh giá giúp tập thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhận ra điểm mạnh, điểm yếu của trường để có biện pháp khắc phục, cải tiến chất lượng trong những năm tiếp theo, nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Trường Mầm non tư thục Thiên Đức tự kiểm định chất lượng nhà trường để góp phần đẩy mạnh công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Quy trình tự đánh giá của trường được tiến hành như sau:

Ngày 22 tháng 11 năm 2022 đến ngày 25 tháng 11 năm 2022: Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, phân công dự thảo kế hoạch đánh giá, thông qua buổi họp Hội đồng sư phạm và triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, tập huấn cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Từ ngày 28 tháng 11 năm 2022 đến ngày 06 tháng 01 năm 2023: Các nhóm thu thập, mã hóa các minh chứng, phân công cá nhân viết phiếu đánh giá tiêu chí.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023 đến ngày 17 tháng 02 năm 2023: Thông qua hoạt động tự đánh giá của các thành viên, tổ nhóm, hội đồng tự đánh giá thống nhất về mức độ đơn vị đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí và thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

Từ ngày 20 tháng 02 năm 2023 đến ngày 03 tháng 3 năm 2023: Họp hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa, xử lý các ý kiến đóng góp.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá, công bố bảng báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 01: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non tư thục Thiên Đức xây dựng kế hoạch năm học hàng năm thể hiện được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; thực hiện tốt công tác quản lý chuyên môn, tài chính, tài sản. Bên cạnh đó, Trường còn chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Các Hội đồng trong trường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có sự phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, thực hiện các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục [H1-1.1-01]; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-02].

Kế hoạch chiến lược xây dựng, phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-01].

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường, trên web của trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường mầm non một cách cụ thể, đồng thời xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường một cách đầy đủ và hiệu quả [H1-1.1-04].

Mức 3:

Chưa thực hiện tốt định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường; chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

2. Điểm mạnh

Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch năm học thể hiện đầy đủ phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; có các biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch năm học.

3. Điểm yếu

Chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, thông qua các buổi họp Phụ huynh học sinh đầu năm học tiếp tục phối hợp lấy ý kiến đóng góp, tham gia của cha mẹ trẻ, cộng đồng trong việc hoàn thiện kế hoạch thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục và các hội đồng khác)

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non tư thục Thiên Đức có hội đồng trường được thành lập theo quy định gồm 05 thành viên [H1-1.2-01]. Hội đồng thi đua khen thưởng của nhà trường được thành lập vào đầu năm học mới [H1-1.2-02]. Ngoài ra, vào từng thời điểm trường thành lập những hội đồng khác để đáp ứng yêu cầu công việc như: Hội đồng tuyển sinh được thành lập trước khi khai giảng năm học. Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi. Tuy nhiên, chưa thành lập hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm [H1-1.2-03].

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non: Hội đồng trường giúp nhà trường đánh giá các hoạt động, rà soát các chỉ tiêu nhà trường đề ra trong kế

hoạch năm học. Trường đã thực hiện từng học kỳ; Hội đồng thi đua giúp nhà trường nhận xét, đánh giá thi đua chất lượng hiệu quả, công khai theo đúng quy trình [H1-1.2-04].

Hoạt động của Hội đồng được thực hiện theo kế hoạch, có biên bản, có phân công chức năng nhiệm vụ cho từng thành viên. Định kỳ có sơ kết, tổng kết, nhận xét đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của từng hội đồng [H1-1.2-04].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các hội đồng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các hội đồng trong nhà trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và định kỳ được rà soát đánh giá.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm 4.

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, các hội đồng trong nhà trường tiếp tục thực hiện đúng và phát huy vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong công tác kiểm tra, giám sát; Khuyến khích Giáo viên nhiều kinh nghiệm đăng ký thi đua viết sáng kiến kinh nghiệm, tiến tới thành lập hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường chỉ có tổ chức công đoàn: Công đoàn cơ sở gồm 38 đoàn viên trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn [H1-1.3-01].

Ban chấp hành công đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng Công đoàn, nhiều năm liên đạt công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-01].

Hàng năm, công đoàn cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-01].

Mức 2:

Trường Mầm non tư thục Thiên Đức không có Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Ban chấp hành công đoàn đã có sự phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong các hoạt động, giúp cho nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học hằng năm [H1-1.3-01].

Mức 3:

Tổ chức công đoàn chưa tích cực tham gia vào các hoạt động của cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Công đoàn trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam

3. Điểm yếu

Trường mầm non tư thục Thiên Đức không có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy vai trò của tổ chức công đoàn. Ngoài ra, nhà trường tiến hành thành lập hội khuyến học; thành lập chi đoàn trường mầm non tư thục Thiên Đức tiến đến bồi dưỡng đoàn viên ưu tú giới thiệu vào Đảng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó Hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non tư thục Thiên Đức là trường hạng I, nhà trường được bố trí cán bộ quản lý gồm 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng [H1-1.4-01].

Trường có 04 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn gồm 01 tổ cấp dưỡng (06 cấp dưỡng) và 03 tổ giáo viên (01 tổ giáo viên khối Mầm và Nhà trẻ, 01 tổ giáo viên khối Chồi, 01 tổ giáo viên khối Lá). Tổ văn phòng gồm 03 cán bộ quản lý, 01 nhân viên y tế, 01 văn thư kiêm thủ quỹ, 02 bảo vệ, 01 phục vụ [H1-1.4-02].

Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động hằng tháng và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định [H1-1.4-03]. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt chuyên môn định kỳ 02 tuần/1 lần [H1-1.4-04].

Mức 2:

Năm học 2022-2023 tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện 01 chuyên đề cấp trường “**Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức các hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ**” [H1-1.4-05].

Hằng tháng tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ để rà soát, đánh giá, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo [H1-1.4-04].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng mang lại hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-04]. Tuy nhiên Tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đa số phải kiêm nhiệm nên phần nào ảnh hưởng đến quá trình thực hiện nhiệm vụ cụ thể trong công tác kiểm tra nội bộ, vai trò các tổ trưởng chưa nổi bật, chưa có nhiều kinh nghiệm trong kiểm tra đánh giá các thành viên trong tổ.

Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hiệu trưởng và số lượng phó hiệu trưởng và thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Các

tổ hoạt động có hiệu quả đã góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị

3. Điểm yếu

Tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đa số phải kiêm nhiệm nên vai trò các tổ trưởng chưa nổi bật, chưa có nhiều kinh nghiệm trong kiểm tra đánh giá các thành viên trong tổ. Tổ chuyên môn Mầm và Nhà trẻ hợp ghép chung nên còn hạn chế trong sinh hoạt chuyên sâu từng khối tuổi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2023-2024 và những năm tiếp theo Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục sẽ hướng dẫn tổ trưởng, giáo viên xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn chuyên sâu từng khối tuổi lần lượt qua các tháng. Đặc biệt chú trọng nội dung sinh hoạt chuyên môn khối Mầm và Nhà trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 12 nhóm (02 nhóm trẻ và 10 lớp mẫu giáo) với tổng số là 460 trẻ so với năm học trước tăng 37 trẻ được phân chia theo đúng độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường Mầm non, có đầy đủ hồ sơ quản lý trẻ theo quy định:

- + Nhóm 25 - 36 tháng: 02 nhóm
- + Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi: 03 lớp
- + Lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi: 03 lớp
- + Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi: 04 lớp [H1-1.5-01].

100% nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi/ngày [H1-1.5-01].

Trong các năm qua, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.2-05].

Mức 2:

Số trẻ trong lớp được phân chia theo độ tuổi, nhưng vượt quá quy định

Mức 3:

Trong năm học 2022-2023, nhà trường có 12 lớp phù hợp với quy định [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Năm học 2022-2023 trẻ được chia vào các nhóm lớp theo đúng độ tuổi, 100 % học 02 buổi/ngày.

3. Điểm yếu

Số trẻ trong lớp được phân chia theo độ tuổi, nhưng vượt quá quy định .

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, trường duy trì phân chia số trẻ đúng độ tuổi, và số lượng theo đúng điều lệ trường mầm non.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định quy

chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ đúng theo quy định: Hồ sơ thi đua [H1-1.2-04]; Hồ sơ kiểm tra bộ phận [H1-1.6-01]; Sổ công văn đi, đến [H1-1.6-02]; Hồ sơ quản lý tài chính, tài sản [H1-1.6-03]; Hồ sơ bán trú [H1-1.6-04]. Hồ sơ được phân loại và lưu trữ theo từng nội dung, năm học; được bố trí chỗ lưu trữ hồ sơ ở từng bộ phận nhằm dễ dàng quản lý và đảm bảo hồ sơ được lưu trữ đầy đủ.

Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định [H1-1.6-05]; thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-06]; Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-07].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-03].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: Phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm EMIS, phần mềm quản lý dữ liệu giáo dục, phần mềm Foodkids, phần mềm phổ cập giáo dục [H1-1.6-08]. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: Phần mềm kế toán Icome [H1-1.6-09].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm tra quyết toán hằng năm [H1-1.6-05].

Mức 3:

Là một trường tư thục, hoạt động trên nguyên tắc tự cân đối thu chi, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính. Nhà trường thu các khoản theo thỏa thuận với phụ huynh theo nguyên tắc thu đủ, chi đủ. Mọi nguồn tài chính của trường đều thông qua nguồn thu hợp pháp được thỏa thuận với phụ huynh theo mỗi năm học, phù hợp với điều kiện tài chính thực tế của cha mẹ học sinh. Thực hiện chế độ quản lý tài chính, chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước. Trường quản lý và sử dụng tài chính rõ ràng, chính xác theo Điều 27 và 28 của Chương V - Tài sản - Tài chính trong Thông tư số 21/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 6 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường mầm non tư thục, cụ thể theo kế hoạch chi tiêu nội bộ đã thống nhất giữa Hiệu trưởng và Công đoàn [H1-1.6-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định. Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Hồ sơ theo dõi kiểm kê tài sản các lớp đôi khi chưa cập nhật thường xuyên ảnh hưởng đến việc thống kê, bàn giao cuối năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo thực hiện quản lý sử dụng, bảo quản, kiểm kê tài sản và bàn giao tài sản cuối năm chặt chẽ hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn: Tỷ lệ giáo viên học chuẩn hóa (06 giáo viên - 06/13, chiếm tỷ lệ 46.1%), chưa có nhân viên cấp dưỡng đạt trình độ trung cấp [H1-1.7-01].

Vào đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng bảng phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường, được Cán bộ quản lý hợp thống nhất và triển khai thực hiện trong nhà trường [H1-1.7-02].

Hằng năm, nhà trường xây dựng Quy chế dân chủ, công khai quyền lợi, nghĩa vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong mọi hoạt động, thực hiện tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ [H1-1.7-03].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện phân công hợp lý để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.7-02]. Hằng tháng, nhà trường thực hiện đánh giá hiệu quả công tác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, qua đó điều chỉnh những hạn chế và phát huy ưu điểm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, được phân công hợp lý để phát huy tối đa năng lực, được đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

Số giáo viên tham gia học chuẩn hóa còn hạn chế, chưa có nhân viên cấp dưỡng đạt trình độ trung cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đội ngũ. Khuyến khích, tạo điều kiện thời gian, kinh phí để giáo viên, nhân viên theo học các lớp chuẩn hóa, bồi dưỡng về nghiệp vụ theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

- a) Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng phù hợp với Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.1-04].

Nhà trường triển khai, thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục [H1-1.2-05].

Định kỳ sau khi năm học đi vào ổn định và cuối học kỳ 1 ban giám hiệu họp rà soát tất cả các chỉ tiêu, điều chỉnh các biện pháp cho phù hợp hơn với tình hình thực tế ở nhóm lớp [H1-1.8-01].

Mức 2:

Nhà trường xây dựng, tổ chức thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra nội bộ. Công tác kiểm tra, đánh giá được thực hiện thông qua các hoạt động: thăm lớp, dự giờ, kiểm tra có kế hoạch báo trước và đột suất nhằm đánh giá năng lực giáo viên qua hiệu quả chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Hằng năm, nhà trường được các cơ quan quản lý như Phòng giáo dục và đào tạo Hóc Môn và các ban ngành khác kiểm tra, đánh giá đạt tốt [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục; Có biện pháp kiểm tra, rà soát, đánh giá thường xuyên, điều chỉnh kịp thời các kế hoạch giáo dục cho đội ngũ.

3. Điểm yếu

Công tác kiểm tra nội bộ đôi khi chưa thực hiện đúng thời gian đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục chỉ đạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá để nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

a) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trước khi ban hành kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục, các nội quy quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, nhà trường tổ chức lấy ý kiến để tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến theo quy định tại quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Thông tư 01/2016/TT-BNV ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Bộ Nội vụ. Tuy nhiên, nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến cho ban đồng nghiệp [H1-1.9-01].

Nhà trường không xảy ra các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh [H1-1.2-05].

Hằng năm, thông qua Hội nghị người lao động nhà trường thực hiện các báo cáo về quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.7-03].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.7-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ đã được thống nhất trong tập thể; thực hiện tốt các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến khi họp Hội đồng nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu về thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của tổ chức công đoàn, động viên gợi ý để các thành viên mạnh dạn góp ý, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; Phương án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-01]; Phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-01]; Phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-01]; Phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-01]; Phương án phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-01]; Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]. Bếp ăn của nhà trường đảm bảo đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-02].

Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và hình thức tiếp công dân trực tiếp để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]. Nhà trường đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [H1-1.10-01].

Nhà trường không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.2-05].

Mức 2:

Nhà trường phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em thực hiện phương án: Đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-01]; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-01]; an toàn phòng, chống cháy nổ [H1-1.10-05]; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai [H1-1.10-01]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-01]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]. Tuy nhiên, hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích và an toàn thực phẩm đến phụ huynh chưa phong phú.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự [H1-1.10-04]. Nhà trường không xảy ra hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và triển khai đầy đủ các phương án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; có các hình thức tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu:

Hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích và an toàn thực phẩm đến phụ huynh chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Tiếp tục cải tiến hình thức tuyên truyền nâng cao hiệu quả phối hợp với phụ huynh trong việc đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua buổi họp Phụ huynh đầu năm. Đảm bảo an toàn trong trường học và nâng cao hiệu quả chất lượng cuộc sống.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý cụ thể và chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động trong nhà trường. Xây dựng dự toán, thực hiện quyết toán theo qui định, có kế hoạch thu chi rõ ràng, công khai tài chính minh bạch, lưu biên bản kiểm tra đầy đủ. Trường có cơ cấu nhóm, lớp

đúng theo qui định của Điều lệ trường mầm non. Luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ, đội ngũ khi đang sinh hoạt và làm việc tại trường. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hằng tháng. Công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, tạo động lực để đội ngũ phấn đấu vươn lên, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn trong nhà trường. Tổ chức và quản lý nhà trường hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra.

Điểm yếu cơ bản:

Chưa thành lập Hội đồng chuyên môn kiến kinh nghiệm.

Số lượng trẻ trong các nhóm lớp hội cao so với quy định

Tổ trưởng tổ khối mẫu giáo 3-4 tuổi và nhóm 25-36 tháng hợp ghép chung nên còn hạn chế trong sinh hoạt chuyên sâu từng cấp tuổi.

Còn một vài giáo viên soạn kế hoạch và tổ chức hoạt động học cho trẻ chưa linh hoạt, sáng tạo tập trung ở giáo viên mới.

Một vài nhân viên ít tham gia đóng góp ý kiến xây dựng trong các buổi họp Hội đồng nhà trường.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí đạt không yêu cầu: 00/10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Trường Mầm non Thiên Đức đảm bảo đầy đủ nhân sự theo cơ cấu của Điều lệ trường mầm non. Bên cạnh đó, trường luôn chú trọng nâng cao chất lượng của đội ngũ như: Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, bảo vệ quyền lợi chính đáng để giáo viên, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng có thời gian công tác 21 năm, trong đó có 17 năm làm công tác quản lý. Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục có thời gian công tác 15 năm với 08 năm làm công tác quản lý, Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác 15 năm với 03 năm làm công tác quản lý. Hiệu trưởng có bằng Đại học sư phạm mầm non, Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục có bằng Đại học sư phạm mầm non, Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng có bằng Đại học Sư phạm mầm non. Tuy nhiên, cán bộ quản lý của trường chưa tham gia học lớp lý luận chính trị [H2-2.1-01].

Hằng năm, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được nhận xét, góp ý, đánh giá xếp loại tốt theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non theo Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 [H2-2.1-02].

Cán bộ quản lý nhà trường đã qua lớp đào tạo quản lý trường mầm non [H2-2.1-01].

Mức 2:

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đánh giá chuẩn hiệu trưởng theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non như sau [H2-2.1-02].

Năm học 2018-2019: Đạt

Năm học 2019-2020: Khá

Năm học 2020-2021: Tốt

Năm học 2021-2022: Tốt

Năm học 2022-2023: Tốt

Đội ngũ cán bộ quản lý chưa có trình độ trung cấp lý luận chính trị theo quy định [H2-2.1-01].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Năm học 2022–2023 có 03/03 - tỷ lệ 100% Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường đạt trình độ đại học sư phạm mầm non, được đánh giá xếp loại tốt theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non, có năng lực kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường. Được Giáo viên và nhân viên tín nhiệm.

3. Điểm yếu

Cán bộ quản lý của trường chưa tham gia học lớp lý luận chính trị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban giám hiệu đăng ký Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Hóc Môn tham gia tập huấn lý về luận chính trị.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên nhà trẻ và giáo viên mẫu giáo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ: gồm 25 giáo viên, trong đó 05 giáo viên phụ trách nhóm Nhà trẻ 25-36 tháng và 20 giáo viên phụ trách 10 lớp mẫu giáo: 03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi; 03 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi; 04 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H2-2.2-01].

Trường có 25/25 giáo viên: 09/25 giáo viên trình độ đại học sư phạm mầm non, đạt tỷ lệ 36 %; 03/25 giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm mầm non, đạt tỷ lệ

12 %; 13/25 giáo viên trình độ trung cấp sư phạm mầm non, đạt tỉ lệ 52%, (trong đó 06/13 đang học chuẩn hóa, đạt tỉ lệ 46.1 %) [H2-2.2-01].

Năm học 2022-2023, nhà trường đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018: có 01/23 giáo viên đạt mức tốt, tỉ lệ 4.3%; 15/23 giáo viên đạt mức khá, tỉ lệ 65.2%; 07/23 giáo viên đạt mức đạt, tỉ lệ 30.5% và 02 giáo viên chưa đánh giá (mới tuyển dụng) [H2-2.1-02].

Mức 2:

Tỉ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo năm học 2022-2023 là 07/23 giáo viên đạt tỉ lệ 30.41% chưa đạt tỉ lệ 55% [H2-2.2-01].

Năm 2018-2019 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt [H2-2.1-02].

Đội ngũ giáo viên của nhà trường luôn ý thức trách nhiệm cao trong công tác, đảm bảo quy chế chuyên môn, đến thời điểm hiện tại không có trường hợp giáo viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.1-02].

Mức 3:

Tỉ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo năm học 2022-2023 là 09/25 giáo viên đạt tỉ lệ 36 % chưa đạt tỉ lệ 65% [H2-2.2-01].

Năm 2018-2019 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường đảm bảo có đủ số lượng giáo viên theo quy định. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường có đủ năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trong nhà trường; Hằng năm, giáo viên được đánh giá xếp loại Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức khá trở lên.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ giáo viên đang học chuẩn hóa còn thấp (6/13 đạt tỷ lệ 46.1 %).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 có 06 giáo viên đang tham gia học chuẩn hóa

và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch chuẩn hóa, tạo điều kiện, thời gian cho giáo viên học chuẩn hóa.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường Mầm non tư thục Thiên Đức có số lượng nhân viên đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ do Hiệu trưởng phân công: 01 nhân viên thủ quỹ kiêm văn thư, 01 nhân viên y tế kiêm Chủ tịch Công đoàn, 02 bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ, 01 bảo mẫu, 06 cấp dưỡng [H2-2.3-01].

Một số nhân viên được qua trường lớp đào tạo chuyên ngành như: Nhân viên y tế có trình độ trung cấp, 06 cấp dưỡng đã qua sơ cấp nấu ăn. Nhân viên của trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực [H2-2.3-01].

Đội ngũ nhân viên của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ trường mầm non [H2-2.3-02].

Mức 2:

Trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định, thực hiện có hiệu quả các công việc của nhà trường: 01 nhân viên thủ quỹ kiêm văn thư, 01 nhân viên y tế kiêm nhiệm chủ tịch công đoàn, 02 bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ, 06 cấp dưỡng [H2-2.3-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02].

Mức 3:

Nhân viên kế toán, văn thư chưa có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm [H2-2.3-01].

Hằng năm, nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của ngành các cấp [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhân viên kế toán, văn thư chưa được đào tạo nghiệp vụ chuyên môn. Nhân viên cấp dưỡng chưa có trình độ trung cấp nấu ăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo nhà trường duy trì phát huy các mặt mạnh, ngoài ra khuyến khích, tạo điều kiện cho văn thư tham gia các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, tạo điều kiện cho cấp dưỡng học lớp Trung cấp nấu ăn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:****Điểm mạnh nổi bật:**

Cán bộ quản lý nhà trường có năng lực, kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm Chương trình giáo dục mầm non. Giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, được đánh giá, xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Đội ngũ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm của nhà trường đủ số lượng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

Điểm yếu cơ bản:

Nhân viên văn thư chưa được đào tạo nghiệp vụ chuyên môn. Chủ trường kiêm kế toán.

Tỉ lệ giáo viên học chuẩn hóa còn thấp.

Cán bộ quản lý chưa được bồi dưỡng về lý luận chính trị.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư, cải tạo ngày càng khang trang, hiện đại; các thiết bị, đồ dùng đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được trang bị đầy đủ để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay. Các phòng học, bếp ăn, khuôn viên nhà trường, sân và khu vực cho trẻ chơi đảm bảo theo yêu cầu quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được

chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có tổng diện tích đất và sàn xây dựng là 2.652,9m² bình quân 8,06 m²/trẻ, được xây dựng kiên cố, một trệt, hai lầu, nền được lát gạch không trơn trượt, riêng nền nhà nhóm trẻ 25-36 tháng được lót sàn gỗ, đảm bảo đủ diện tích cho trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

Khuôn viên trường có tường rào bao quanh, được xây dựng chắc chắn, kiên cố; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ, cổng chính có biển tên trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-02].

Nhà trường có sân chơi hẹp với diện tích 484,9 m² (354,4 m² + 130,5 m²) được thiết kế phù hợp, thuận tiện cho trẻ vui chơi: khu trò chơi dân gian, khu trò chơi vận động [H3-3.1-03]. Các lớp đều có hiên chơi: khối mẫu giáo hiên trước 18 m², bình quân 0.5m²/trẻ. Khối nhà trẻ hiên trước 10 m², bình quân 0.4 m²/trẻ; có lan can bao quanh bằng sắt cao 1,4m; có rào chắn an toàn khi trẻ chơi, trường có cây xanh, chưa có vườn cây, vườn rau chưa phong phú [H3-3.1-03].

Mức 2:

Chưa có diện tích bố trí cho sân vườn.

Khuôn viên trường có tường rào bao quanh biệt lập với khu dân cư. Có sân chơi và một số cây xanh lớn cho bóng mát, nhà trường chỉ trồng thêm một ít

cây cảnh tạo cảnh quan đẹp cho sân trường, có gắn biển tên cây để trẻ khám phá, học tập, tạo môi trường học chữ cho trẻ [H3-3.1-02].

Khu vực trẻ chơi ngoài trời của trường đều được lát gạch bằng phẳng bảo đảm an toàn cho trẻ chơi. Trong sân trường có nhiều loại đồ chơi ngoài trời bảo đảm an toàn, phù hợp với trẻ như: 01 bộ cầu trượt liên hoàn, thang đu, 01 bộ cầu trượt máy bay [H3-3.1-03].

Mức 3:

Chưa có diện tích bố trí cho sân vườn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cổng, hàng rào chắc chắn, sân trường có cây xanh đảm bảo cho trẻ được hoạt động vui chơi.

3. Điểm yếu

Diện tích sân chơi hẹp, chưa có sân vườn để trẻ có cơ hội hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo bố trí vị trí thích hợp để tạo sân vườn cho trẻ hoạt động.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng

giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 12 phòng học. Sử dụng 02 phòng nhóm nhà trẻ 25-36 tháng và 10 phòng lớp mẫu giáo, trong đó 04 phòng lớp 5-6 tuổi, 03 phòng lớp 4-5 tuổi, 03 phòng lớp 3-4 tuổi. Trường đảm bảo phân chia số lớp theo đúng lứa tuổi, quy mô phòng học và hạng trường [H3-3.2-01].

Các phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng đảm bảo an toàn, trang trí đẹp, có đủ đồ dùng; đảm bảo ấm áp về mùa lạnh thoáng mát về mùa hè. Phòng sinh hoạt chung: Diện tích phòng khối mẫu giáo 40 m²/phòng, bình quân 1,1 m²/trẻ; có đủ ánh sáng, thoáng mát, nền nhà khô sạch; trẻ ăn ngủ tại phòng sinh hoạt; lớp được trang bị tủ kệ, máy vi tính, kệ đồ chơi, đồ dùng, cá nhân phục vụ hoạt động của cháu đảm bảo an toàn, đúng qui cách bố trí sắp xếp gọn gàng [H3-3.2-02]. Phòng Giáo dục nghệ thuật 40 m² và phòng Giáo dục thể chất có diện tích 50 m² và lịch sinh hoạt cụ thể. Phòng Giáo dục nghệ thuật có gương áp tường và gióng múa, trang bị các đồ chơi âm nhạc, quần áo, trang phục, đạo cụ múa. Phòng giáo dục thể chất có thang leo, vòng, banh, các loại đồ chơi đi thăng bằng, nệm mouse để trẻ vận động được đảm bảo an toàn [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Các phòng đều có hệ thống đèn chiếu sáng phù hợp, đúng theo quy định, xung quanh phòng có trang bị quạt trần, tủ, kệ đựng hồ sơ, đồ dùng, trang thiết bị phù hợp với chức năng của từng phòng [H3-3.2-04].

Mức 2:

Phòng sinh hoạt chung (phòng ngủ) có cửa sổ, đủ ánh sáng tự nhiên, có

đủ bàn ghế cho trẻ (02 trẻ/1 bàn), mỗi trẻ có 1 ghế dựa. Mỗi phòng có máy tính, máy lạnh, có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ cho các hoạt động của cô, của trẻ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phòng được trang trí phù hợp với lứa tuổi của trẻ. Nơi ngủ của trẻ yên tĩnh, thoáng về mùa hè, ấm về mùa lạnh, có đủ các đồ dùng phục vụ trẻ ngủ như: nệm, gối [H3-3.2-01]. Phòng giáo dục thể chất diện tích 50 m² có đủ dụng cụ cho hoạt động thể dục như: bóng, gậy thể dục, vòng, cổng chui, băng ghế, bục nhảy, cờ cầm tay, hoa cầm tay,... Phòng giáo dục nghệ thuật 40 m² trang bị trang phục và các dụng cụ âm nhạc. Tuy nhiên, diện tích chưa đạt theo quy định.

Hệ thống tủ, kệ đựng đồ chơi, đồ dùng cá nhân, tài liệu có đủ theo quy định, được sắp xếp tại các phòng hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-03].

Mức 3:

Chưa có phòng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

2. Điểm mạnh

Các phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng đảm bảo an toàn, trang trí đẹp, có đủ đồ dùng; đảm bảo ấm áp về mùa lạnh thoáng mát về mùa hè. Có hệ thống đèn, quạt đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu

Diện tích các phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng chưa đủ diện tích theo yêu cầu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo nhà trường bố trí tận dụng hành lang, sảnh liên kết phòng Giáo dục thể chất và phòng Giáo dục nghệ thuật để mở rộng diện tích sử dụng sao cho mang lại hiệu quả cao nhất. Đầu tư trang thiết bị cho trẻ làm quen ngoại ngữ, tin học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính – quản trị

Mức 1:

a) Có các loại phòng theo quy định;

b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;

c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Đảm bảo diện tích theo quy định;

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định như: Phòng hành chính (kiêm văn phòng), phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế [H3-3.3-01].

Các phòng đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị như: Hệ thống âm thanh, máy chiếu, bàn ghế họp, tủ đựng hồ sơ, có máy vi tính nối mạng để làm việc và nghiên cứu; phòng y tế có tủ y tế các loại thuốc thông dụng cần thiết, có sổ sách theo dõi sức khỏe của trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên có các biểu bảng theo quy định [H3-3.3-02].

Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi [H3-3.3-03].

Mức 2:

Khối phòng hành chính quản trị nhà trường có diện tích chưa đạt theo quy định [H3-3.3-01].

Nhà trường có khu vực để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi [H3-3.3-03].

Mức 3:

Nhà trường có đủ các phòng làm việc theo quy định. Tuy nhiên một số

phòng chưa đạt theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các phòng, đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị, máy vi tính nối mạng internet. Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

3. Điểm yếu

Văn phòng có diện tích chưa đúng quy định 30 m².

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng sẽ có kế hoạch xin phép sửa chữa, nâng cấp phòng hành chính, xây dựng phòng bảo vệ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Bếp ăn được xây dựng kiên cố, được thiết kế theo quy trình bếp một chiều; sử dụng gas công nghiệp, có đủ các phương tiện phục vụ nấu ăn với các máy móc thiết bị hiện đại như: tủ hấp cơm, máy rửa chén, máy xay thịt, máy sinh tố, có phòng giặt được trang bị máy giặt, máy hấp khăn cho trẻ [H3-3.4-01].

Kho thực phẩm có phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, thực hiện đúng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, có bảng ghi tồn kho theo quy định [H3-3.4-01].

Có 01 tủ lưu mẫu thức ăn đạt yêu cầu, hộp lưu mẫu được sắp xếp ngăn nắp, đúng nhiệt độ để bảo quản thức ăn, 01 tủ lạnh bảo quản thực phẩm [H3-3.4-01].

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non (Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020). Diện tích bếp ăn của trường 93.5 m² gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; khu rửa, được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều. Có 01 tủ hấp khăn; 02 xe chuyên thức ăn các lớp, 04 bếp ga, 01 tủ hấp cơm, 01 tủ đông, 01 tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, máy xay thịt, 01 máy ép nước trái cây, thang máy vận chuyển thức ăn từ bếp đến các lớp... nơi rửa chén ở ngoài nhà bếp, tủ đựng chén bằng inox nhiều ngăn. Trường sử dụng 2 nguồn nước (nước giếng khoan và nước máy). Các chất thải từ nhà bếp đều được phân loại trước khi bỏ vào thùng để xe thu gom rác thải đến lấy. Nhà bếp có hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động hoạt động 24/24. Có đủ các phương tiện, trang thiết bị như găng tay, thuốc khử trùng, xà phòng phục vụ cho việc làm vệ sinh nhà bếp. Đồ dùng chế biến thức ăn; đồ dùng phục vụ ăn uống của trẻ: nồi, chảo, muống, đĩa, khay, chén,... được trang bị đầy đủ, bằng inox an toàn sạch sẽ. Dụng cụ chế biến thực phẩm sống - chín riêng, có dấu hiệu nhận biết bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Nhà kho sạch, thoáng, an toàn [H3-3.4-01].

Mức 3:

Bếp ăn chưa đạt Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non (tiêu chuẩn diện tích chưa đạt từ 0,30 m²/trẻ đến 0,35 m²/trẻ) [H3-3.4-01].

2. Điểm mạnh

Bếp ăn được xây dựng kiên cố đảm bảo theo yêu cầu thiết kế trường mầm non. Đồ dùng nhà bếp đầy đủ, đảm bảo vệ sinh; kho thực phẩm sắp xếp gọn

gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng; có tủ lưu mẫu thức ăn riêng. Bếp ăn đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Điểm yếu

Diện tích nhà bếp chưa đảm bảo theo quy định (từ 0,30 m²/trẻ đến 0,35 m²/trẻ).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp tục có kế hoạch duy trì và bảo dưỡng trang thiết bị và đồ dùng nhà bếp, bố trí tận dụng hành lang cạnh nhà bếp để mở rộng diện tích nhà bếp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

- a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*
- b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;*
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất

số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.5-01].

Ngoài các thiết bị đồ dùng, đồ chơi có trong danh mục, nhà trường còn đầu tư một số đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định phục vụ cho yêu cầu giảng dạy của giáo viên và vui chơi của trẻ như: Các loại lắp ráp, các loại cờ học tập, nguyên vật liệu tạo hình, sách truyện góc thư viện, được giáo viên sưu tầm, sáng tạo, tự làm... đảm bảo tính giáo dục, an toàn, thẩm mỹ, hiệu quả phù hợp với từng độ tuổi [H3-3.5-02]. Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở tính thẩm mỹ chưa cao.

Trước khi vào năm học mới, nhà trường kiểm kê, sửa chữa, công cụ dụng cụ bị hư hỏng, bổ sung thêm đồ dùng đồ chơi tự làm [H3-3.5-03].

Mức 2:

Trường trang bị hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học, mỗi phòng ban đều có máy tính kết nối mạng, sử dụng các phần mềm như: Mindjet MindManger 8.0, phần mềm quản lý tài chính Income, phần mềm tính khẩu phần dinh dưỡng Foodkids [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đồ chơi, đồ dùng cá nhân theo quy định, sử dụng hiệu quả trong công tác dạy và học tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.5-06].

Hàng năm, trường có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định phù hợp như: Các loại đồ chơi lắp ráp, các khối và các đồ chơi tự tạo bằng nguyên vật liệu mở (trò chơi bé làm nhạc công, đi trên gáo dừa, ném vòng vào cổ chai.....) nhằm phục vụ tốt công tác chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.5-07].

Mức 3:

Các đồ dùng giáo viên tự làm để phục vụ hoạt động dạy học ngoài danh mục đã đáp ứng được yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng

cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được giáo viên và trẻ khai thác sử dụng thường xuyên, có hiệu quả [H3-3.5-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ. Hằng năm, trường có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục.

3. Điểm yếu

Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở tính thẩm mỹ chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục dự trù mua sắm, sửa chữa, bổ sung các đồ dùng đồ chơi đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Năm 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức hội thi làm đồ dùng đồ chơi để tạo ra đồ dùng đồ chơi sáng tạo, thể hiện tính thẩm mỹ và có độ bền.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mỗi lớp học đều có phòng vệ sinh cho trẻ, có đủ bồn tiểu, bồn cầu có vách ngăn cách riêng cho trẻ theo giới tính, lavabo cho trẻ rửa tay [H3-3.6-01], có 05 nhà vệ sinh chung cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.6-02]. Tất cả phòng vệ sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường và thuận tiện cho việc sử dụng. Trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.2-05].

Trường có hệ thống thoát nước, cống rãnh được xây có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-03]. Sử dụng nguồn nước máy để chế biến thức ăn, sử dụng nguồn nước giếng trong sinh hoạt và trong vệ sinh cá nhân, có thực hiện xét nghiệm vi sinh, lý hóa mỗi năm đều đạt tiêu chuẩn [H3-3.6-04].

Trường thực hiện ký hợp đồng thu gom rác với đơn vị do Ủy ban nhân dân xã chọn thầu, hằng ngày được vận chuyển đến nơi xử lý tập trung theo các quy định hiện hành, không có rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-05]. Trường có thùng đựng và phân loại rác thải, khu vực hành lang và các lớp có thùng đựng rác thải, khu vực thu gom rác có trang bị nhiều thùng rác lớn, có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường sạch sẽ [H3-3.6-06].

Mức 2:

Phòng vệ sinh của trẻ được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung, thuận tiện cho trẻ sử dụng và cô dễ quan sát, có vách ngăn phân cách giữa bồn cầu và các khu vực khác, có đủ xà phòng, giấy vệ sinh, vòi nước rửa tay, khăn khô lau tay, chổi quét nước, tấm lau chân,... Diện tích nhà vệ sinh chưa đảm bảo yêu cầu 0,4-0,6m²/trẻ. Phòng vệ sinh của cán bộ giáo viên, nhân viên được bố trí ở các tầng, sạch sẽ, đủ tiện nghi, thuận tiện sử dụng, tách biệt với phòng vệ sinh của trẻ [H3-3.6-02].

Nhà trường có một giếng khoan và nguồn nước cấp của nhà máy nước Thành phố, mỗi năm có kiểm nghiệm nguồn nước [H3-3.6-04]. Hệ thống thoát

nước tốt, không ô nhiễm môi trường. Mỗi phòng học, phòng làm việc có thùng đựng rác, sân trường có thùng chứa rác đúng quy định. Rác của nhà bếp được phân loại trước khi bỏ vào thùng. Hàng ngày, tất cả rác thải của trường được tập trung vào chỗ quy định [H3-3.6-05]; [H3-3.6-06].

2. Điểm mạnh

Phòng vệ sinh được xây khép kín bên trong nhóm, lớp; nhà vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng hợp với cảnh quan và quy định. Trường có hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh.

3. Điểm yếu

Diện tích nhà vệ sinh chưa đáp ứng theo quy định (từ 0,4-0,6m²/trẻ).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy tu bảo dưỡng các thiết bị trong nhà vệ sinh các nhóm lớp, giáo viên, đảm bảo luôn có đủ nước sạch phục vụ công tác vệ sinh. Giáo viên sắp xếp các vật dụng trong nhà vệ sinh gọn gàng, tạo sự thông thoáng cho trẻ khi di chuyển.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường được thiết kế xây dựng kiên cố, thoáng mát; khuôn viên trường có tường rào bao quanh, có biển tên trường; hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

Phòng sinh hoạt chung đảm bảo an toàn, sạch sẽ, thoáng mát với đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ theo quy định. Mỗi lớp đều có nhà vệ sinh riêng thuận tiện cho giáo viên và trẻ sử dụng.

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

Nhà trường trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Sân chơi hẹp, chưa có sân vườn để trẻ có cơ hội hoạt động.

Diện tích các phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục âm nhạc, phòng hành chính, nhà bếp, nhà vệ sinh chưa đáp ứng theo Điều lệ trường mầm non.

Trường chưa có phòng bảo vệ, phòng nghỉ cho nhân viên cấp dưỡng.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình năng nổ hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với hoạt động của nhà trường trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Trường làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đồng thời góp phần xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày một khang trang.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ em.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường tiến hành tổ chức họp toàn thể phụ huynh học sinh và bầu ra Ban Đại diện cha mẹ trẻ gồm có 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban, 01 thư ký; hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ trẻ [H4-4.1-01].

Ban Đại diện cha mẹ trẻ có kế hoạch hoạt động từng năm học theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-01].

Ban Đại diện cha mẹ trẻ bám vào kế hoạch tháng phối hợp cùng Ban giám hiệu nhà trường tổ chức thực hiện tốt kế hoạch đúng tiến độ, có báo cáo sơ kết và tổng kết [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban Đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ thông qua họp đầu năm học, bản tin của lớp, thông qua các báo cáo sơ kết, tổng kết và các hoạt động lễ hội đều có sự tham gia góp ý của đại diện cha mẹ trẻ [H4-4.1-01].

Mức 3:

Ban Đại diện cha mẹ trẻ chủ yếu phối hợp với nhà trường trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ, chưa tham gia cùng các tổ chức xã hội ngoài trường.

2. Điểm mạnh

Ban Đại diện cha mẹ trẻ hoạt động theo Điều lệ ban hành, phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động có hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Một số phụ huynh bận công tác nên chỉ phối hợp với nhà trường trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ, chưa tham gia cùng các tổ chức xã hội ngoài trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023- 2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy những mặt đã làm được của Ban đại diện cha mẹ trẻ, đồng thời hiệu trưởng chủ động tư vấn thúc đẩy mạnh công tác tuyên truyền qua hội thi, qua các hoạt động lễ hội cho trẻ với nhiều hình thức phong phú, đa dạng để thu hút phụ huynh cùng phối hợp với nhà trường trong các hoạt động tại trường”

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu Cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

- a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

- a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;
- b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

- a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, trường báo cáo với Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng trong việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp, đạt tỉ lệ 100% theo Đề án phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi [H4-4.2-01]; xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, đề xuất Ủy ban nhân dân xã các biện pháp giữ gìn an ninh trật tự xung quanh trường [H1-1.10-01].

Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và cha mẹ học sinh để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: Thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, đăng tải lên Web của trường, trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ em, thông qua bản tuyên truyền của trường và nhóm lớp [H4-4.1-01].

Trường thường xuyên liên hệ chặt chẽ với công an xã, xã đội không để tình trạng mua bán gây ùn tắc giao thông trước cổng trường, đảm bảo an ninh, an toàn trong trường [H1-1.10-01]; phối hợp với trạm y tế xã tập huấn, tuyên truyền cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về kiến thức, kỹ năng cơ bản để xử lý kịp thời những tình huống xảy ra nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ [H4-4.2-02].

Mức 2:

Tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các cấp để xin hỗ trợ công tác đảm bảo an ninh trật tự cho nhà trường, giúp nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giáo dục giai đoạn 2020-2025 [H1-1.10-01].

Nhà trường phối hợp với đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: Ngày hội Bé trở lại trường, Trung thu, Tết Thiếu nhi, lễ hội Giáng sinh, lễ hội Tết và mùa xuân, Giỗ tổ Hùng Vương [H4-4.2-03].

Mức 3:

Chưa tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác phối hợp chính quyền địa phương Ban đại diện cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ”.

3. Điểm yếu

Chưa tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả việc tham mưu với chính quyền địa phương, có kế hoạch tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung, kế hoạch giáo dục của nhà trường đến Phụ huynh rộng rãi hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Ban Đại diện Cha mẹ trẻ hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đồng hành cùng nhà trường trong các hoạt động của đơn vị. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu Cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường, có mối liên hệ mật thiết với phụ huynh học sinh và chính quyền địa phương để giữ gìn an ninh trật tự, tài sản, huy động được các nguồn lực giúp nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia vào nhiều hoạt động của nhà trường.

Nội dung giáo dục, giới thiệu văn hóa truyền thống địa phương cho cán bộ giáo viên, nhân viên và trẻ tư liệu chưa phong phú, đa dạng.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Công tác chăm sóc, giáo dục luôn là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng trong trường mầm non. Chính vì vậy, trường Mầm non Thiên Đức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi và theo chỉ đạo của ngành. Giáo viên của trường biết sử dụng phương pháp dạy học tích cực, tổ chức hình thức giáo dục đa dạng nhằm giúp trẻ phát triển tốt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ. Giáo viên còn hình thành cho trẻ một số kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, giúp trẻ có hành vi, thói quen tốt, tự tin, chủ động, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân, đoàn kết với bạn bè, mạnh dạn trong giao tiếp, lễ phép với người lớn, đáp ứng được mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non. Cán bộ quản lý có kế hoạch kiểm tra đánh giá quá trình phát triển của trẻ theo các lĩnh vực một cách thường xuyên, đảm bảo tính khách quan để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường có kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ giúp trẻ phát triển một cách toàn diện. Trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì luôn được quan tâm chăm sóc.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

b) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

a) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*

b) *Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch từng năm học phù hợp với chỉ đạo của ngành, đặc điểm tình hình của từng nhóm lớp [H5-5.1-01].

Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm học, tùy tình hình nhận thức của trẻ trong nhóm lớp và đặc điểm cơ sở vật chất của nhà trường, 100% giáo viên các nhóm lớp phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT, Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non. Các lớp thực hiện kế hoạch đầy đủ trên phần mềm Mindjet MindManager 8.0, kịp thời cập nhật theo năm, tháng, ngày cụ thể chuẩn bị cho việc tổ chức các hoạt động cho trẻ [H5-5.1-01].

Hằng tháng, cán bộ quản lý nhà trường kiểm tra, nhận xét, đánh giá kế hoạch giáo dục của giáo viên để kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ [H5-5.1-01].

Mức 2:

Năm học 2022-2023, số trẻ được theo dõi, đánh giá chất lượng giáo dục là 460/460 trẻ, tỷ lệ 100% trẻ toàn trường, số trẻ đạt tốt trên các lĩnh vực giáo dục với tỉ lệ như sau: Thể chất: 97%, nhận thức: 95,8%, ngôn ngữ: 97.8%, thẩm mỹ: 97,5 %, tình cảm và kỹ năng xã hội: 97.6%, có 151/151 trẻ 5-6 tuổi được chứng nhận hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỉ lệ 100%; 151/151 trẻ lớp lá trong trường được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, tỉ lệ 100% [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03].

Giáo viên biết áp dụng triệt để chuyên đề lấy trẻ làm trung tâm vào việc lựa chọn các đề tài gần gũi với trẻ, điều chỉnh các hoạt động có chủ đích trong ngày theo hướng trẻ được trải nghiệm và áp dụng các hình thức giáo dục đa dạng [H5-5.1-01].

Mức 3:

Chương trình giáo dục của nhà trường chưa tham khảo các chương trình, phương pháp giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

Định kỳ nhà trường tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, báo cáo điển hình,...việc thực hiện chương trình giáo dục; từ đó cán bộ giáo viên có sự bàn bạc điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục thích hợp với điều kiện thực tế của từng lớp, của trẻ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tốt hơn [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra, có sự theo dõi định kỳ rà soát và đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để giáo viên có sự điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng, nhu cầu của trẻ em góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

3. Điểm yếu

Chương trình giáo dục của nhà trường chưa tham khảo các chương trình, phương pháp giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt, phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, có kế hoạch bồi dưỡng cho các giáo viên mới nắm bắt kịp thời Chương trình giáo dục mầm non như: Tham gia các lớp bồi dưỡng do phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức, tham dự các chuyên đề, các tiết thao giảng. Điều chỉnh kế hoạch giáo dục sát với thực tế của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ [H5-5.1-01].

Chú trọng tổ chức môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ;

đánh giá đúng, tôn trọng và phát huy được khả năng, thể mạnh của mỗi trẻ; tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển [H5-5.1-01]; [H5-5.2-01].

Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế tại nhóm lớp như: hoạt động học của giáo viên, hoạt động lễ hội, hoạt động trong lớp, hoạt động ngoài trời, hoạt động cả lớp- nhóm- cá nhân [H5-5.2-01].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế, các lớp bố trí góc khoa học với nguyên vật liệu phong phú để trẻ thí nghiệm theo nhu cầu, giáo viên tạo điều kiện cho trẻ quan sát, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh khi tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động ngoài trời, thực hành Steam. Tuy nhiên, các hoạt động trải nghiệm thực tế cho trẻ còn hạn chế [H5-5.1-01]; [H5-5.2-01].

Mức 3:

Hàng năm giáo viên tại các nhóm lớp bổ sung các nguyên vật liệu mở, nhiều bài tập, mô hình, tranh ảnh gợi ý giúp trẻ có thể lựa chọn các hoạt động theo ý thích, nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [H5-5.2-01].

2. Điểm mạnh

Giáo viên linh hoạt tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm. Xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ. Tuy nhiên, các hoạt động trải nghiệm thực tế cho trẻ còn hạn chế.

3. Điểm yếu

Môi trường ngoài lớp học xây dựng chưa phong phú. Các hoạt động trải nghiệm thực tế cho trẻ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục triển khai, chỉ đạo giáo viên tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục; cùng trẻ thiết kế môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với khả năng, nhu cầu thực tế của trẻ để thu hút lượng trẻ tham gia hoạt động cao hơn. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn nâng cao nghiệp vụ cho giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy, thực hành khám phá trải nghiệm nhiều thu hút trẻ vào các hoạt động hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

- a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*
- b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*
- c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 2:

- a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*
- b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*
- c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học, nhà trường phối hợp bệnh viện Đa khoa khu vực Hóc Môn, Trung tâm y tế dự phòng tổ chức khám sức khỏe phân loại tình trạng sức khỏe cho bé. Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với trạm y tế xã chăm lo sức khỏe cho bé như tiêm ngừa vắc-xin sởi, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ [H5-5.3-01].

Hàng năm, 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02].

100% trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng và báo cáo hàng tháng [H5-5.3-03]. Có chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân - béo phì, kết hợp cho trẻ tăng cường vận động mỗi sáng theo lịch vận động thừa cân [H5-5.3-03]. Năm học 2022-2023, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học; số lượng trẻ thừa cân - béo phì đầu vào là 64/376, đầu ra là 37/460, phục hồi 27 tỉ lệ: 8.0%. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào là 08/376, đầu ra là 04/460, phục hồi 02/460 tỉ lệ: 0.9 % [H5-5.3-03].

Mức 2:

Nhà trường có kế hoạch mời Bác sĩ hoặc Giáo viên tâm lý tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em: Tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý dành cho trẻ đến phụ huynh; tuyên truyền kiến thức khoa học về tác hại, nguyên nhân dẫn đến tình trạng thừa cân - béo phì, những rối loạn tâm lý cho trẻ từ 0-6 tuổi [H5-5.3-04].

Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2017 (điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT), xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú, theo ngày, theo tuần, theo mùa,

thực đơn trong tuần không trùng lặp nhau, ngoài ra trẻ còn được uống sữa [H5-5.3-05].

Trường tổ chức cân cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì hàng tháng và báo kết quả cân đo cho phụ huynh, đồng thời trao đổi thông tin của trẻ đến phụ huynh nhằm có biện pháp hợp lý cải thiện tình trạng sức khỏe của trẻ trong việc chọn sữa phù hợp thể trạng và thời gian bổ sung sữa hợp lý trong ngày cho trẻ. Năm học 2022-2023, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học; số lượng trẻ thừa cân - béo phì đầu vào là 64/376, đầu ra là 37/460, phục hồi 27 tỉ lệ: 8.0%. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào là 08/376, đầu ra là 04/460, phục hồi 02/460 tỉ lệ: 0.9 % [H5-5.3-03].

Mức 3:

Năm học 2022-2023 toàn trường có 419/460 trẻ, tỉ lệ 91,1% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường [H5-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Trường phối hợp tốt với bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn và trạm y tế xã trong công tác chăm sóc sức khỏe, tiêm ngừa, phòng chống dịch bệnh cho trẻ, trẻ phát triển bình thường theo độ tuổi. Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối; trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp.

3. Điểm yếu

Một số phụ huynh có con ở thể dư cân, béo phì chưa nhận thức đúng và chưa tích cực cộng tác với nhà trường trong việc thực hiện các biện pháp hạn chế việc tăng cân để đảm bảo sức khỏe cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác phối hợp với cơ sở y tế, đoàn thể trong trường và phụ huynh trong công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ. Tập thể nhà trường tuyên truyền đến phụ huynh các thông tin kiến thức trong việc đảm bảo chế độ ăn hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì, tạo nhiều cơ hội giúp trẻ được vận

động và tiếp xúc nhiều hơn với nắng sáng, bổ sung sữa hợp lý cho trẻ ở nhà cũng như ở trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Giáo viên phối hợp tốt với phụ huynh và quản lý trẻ hằng ngày; khi trẻ vắng không phép, giáo viên chủ động liên hệ với phụ huynh để biết lý do trẻ nghỉ học, trẻ đi học chuyên cần đạt 87.7% trong đó trẻ 5 tuổi đạt 90,2% trẻ lứa

tuổi khác đạt 86,9% [H5-5.4-01]. Tỷ lệ chuyên cần không cao do một số trẻ nghỉ về quê chơi với gia đình, hoặc có người nhà đến thăm chơi....

Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 05 tuổi, tỉ lệ trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 151/151 đạt 100% [H5-5.4-02].

Năm học 2015-2016 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.2-05].

Mức 2:

Năm học 2022-2023 tỷ lệ chuyên cần đạt 90.2% đối với trẻ 5 tuổi, 86,9% đối với trẻ dưới 5 tuổi [H5-5.4-01].

Hằng năm, 100% trẻ 5 tuổi của trường được cấp giấy chứng nhận hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 3:

Hằng năm, 100% trẻ 5 tuổi của trường được cấp giấy chứng nhận hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt trên mức quy định. Năm học 2022-2023, trường có 151/151 trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỉ lệ 100 %.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ chuyên cần của trẻ chưa cao, do tình hình dịch bệnh Covid-19, một số trẻ phải nghỉ học do cách ly và thể lực trẻ còn hạn chế dễ bị bệnh theo mùa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo trường tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phối hợp với các đoàn thể trong xã, phụ huynh thực hiện tốt đề án phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi tại trường và duy trì được tỷ lệ chuyên cần của trẻ, nâng cao thể lực của trẻ nhóm nhà trẻ nhằm từng bước nâng cao tỉ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có kế hoạch chăm sóc giáo dục phù hợp với trẻ, điều kiện thực tế. Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục giúp trẻ phát triển toàn diện. Có sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Tỉ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi chưa đạt 98%, theo yêu cầu của phổ cập giáo dục.

Trong sinh hoạt chuyên môn một số giáo viên chưa tự tin thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG

Trường Mầm non tư thục Thiên Đức đã thực hiện báo cáo quá trình tự đánh giá theo Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành. Trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 25/25 tỉ lệ: 100%;
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/25 tỉ lệ 00%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 16/25 tỉ lệ: 64%
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 09/25 tỉ lệ: 36%.
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 04/19 tỉ lệ: 21%.
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 15/19 tỉ lệ: 79%.
- Mức đánh giá của Trường Mầm non tư thục Thiên Đức: Mức 1;
- Trường Mầm non tư thục Thiên Đức đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng chăm sóc, giáo dục của Trường tư thục Mầm non Thiên Đức về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Nhà trường kính mong các cấp lãnh đạo, các đoàn thể chính quyền địa phương và các thành viên trong Đoàn đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng đạt chất lượng và hoàn thiện hơn./.

Hóc Môn, ngày 25 tháng 4 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thu Hà

Phần IV. PHỤ LỤC

BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG